



NÂNG CAO KHẢ NĂNG TIẾP CẬN VỐN ĐỂ PHÁT TRIỂN KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN TẠI TỈNH BÌNH DƯƠNG

NGUYỄN HỒNG THU, NGUYỄN NGỌC TIẾN

Bài viết này đánh giá thực trạng về vốn, nhu cầu vốn và tiếp cận vốn để phát triển khu vực kinh tế tư nhân tại tỉnh Bình Dương dựa trên cơ sở khảo sát tại 220 đơn vị kinh tế tư nhân. Kết quả nghiên cứu cho thấy, vốn để phát triển sản xuất - kinh doanh đóng vai trò hết sức quan trọng đối với các đơn vị. Trên cơ sở đó, nhóm tác giả đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao khả năng tiếp cận vốn thông qua đổi mới quan điểm về quản lý nhà nước, kiện toàn các chính sách về huy động vốn của khu vực kinh tế tư nhân tại Bình Dương từ các chủ sở hữu, hoàn thiện các chính sách tín dụng về tiếp cận vốn vay...

Từ khóa: Kinh tế tư nhân, tiếp cận vốn, phát triển, Bình Dương

IMPROVING ACCESSIBILITY TO CAPITAL FOR THE DEVELOPMENT OF PRIVATE SECTOR IN BINH DUONG PROVINCE

Nguyen Hong Thu, Nguyen Ngoc Tien

This article assesses the current situation of capital, capital demand and accessibility to capital for private sector development in Binh Duong province based on a survey of 220 private economic units. The research results show that capital for business production and development is very important to these units. On that basis, the authors propose solutions to improve their accessibility to capital through reforming views on state management, consolidating policies on capital mobilization of the private sector in Binh Duong from owners, improving credit policies on loans...

Keywords: Private economy, accessibility to capital, development, Binh Duong

Ngày nhận bài: 29/6/2022

Ngày hoàn thiện biên tập: 19/7/2022

Ngày duyệt đăng: 26/7/2022

Đặt vấn đề

Trong hai thập kỷ vừa qua, khu vực kinh tế tư nhân (KTTN) tại Việt Nam đã có bước phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng. Từ chỗ chủ yếu là các hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp (DN) tư nhân nhỏ lẻ, đến nay khu vực KTTN đã phát triển đa dạng với nhiều loại hình như: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã (kinh tế tập thể), tập đoàn kinh tế... và đã

có đóng góp quan trọng cho nguồn thu ngân sách nhà nước.

Tại Bình Dương, KTTN luôn được các cấp chính quyền tỉnh Bình Dương quan tâm và tạo điều kiện phát triển thông qua việc ban hành nhiều chính sách. Điển hình như: Kế hoạch số 1368/KH-UBND về hành động tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội ứng phó dịch COVID-19; Kế hoạch số 6464/KH-UBND về hỗ trợ DN nhỏ và vừa năm 2022. Cùng với đó, Bình Dương đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện chuyển đổi hộ kinh doanh cá thể thành DN... Những chính sách, kế hoạch hành động kịp thời và thiết thực của các cấp chính quyền tỉnh Bình Dương đã, đang tạo động lực đáng kể để khu vực KTTN phục hồi và phát triển sau thời gian bị ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch COVID-19.

Tuy nhiên, thực tế tiến phát triển KTTN tại Bình Dương thời gian qua cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng phát triển của các thành phần KTTN vẫn còn hạn chế ở nhiều mặt như năng suất và tốc độ tăng năng suất vẫn chưa cao, nhất là lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp; năng lực khoa học công nghệ của các doanh nghiệp còn lạc hậu, ít đổi mới sáng tạo trên các phương diện về sản phẩm - hàng hóa - dịch vụ, quản lý, marketing, công nghệ...

Vì vậy, bài viết này trao đổi về các loại hình KTTN, vốn và vai trò của vốn đối với phát triển ở khu vực KTTN, những rào cản về tiếp cận vốn của khu vực KTTN tại Bình Dương hiện nay và đề xuất các giải pháp khắc phục trong thời gian tới.



Cơ sở lý luận

Khái niệm thành phần kinh tế tư nhân

Đại hội lần thứ VI của Đảng (1986) đã xác lập thành phần KTTN trong hệ thống cơ cấu nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta, theo đó bao gồm: kinh tế tiểu sản xuất hàng hóa (thợ thủ công, nông dân cá thể, những người buôn bán, kinh doanh dịch vụ cá thể) và kinh tế tư bản tư nhân. Đến năm 2017, tại Nghị quyết số 10-NQ/TW (Ban chấp hành Trung ương Đảng, 2017) đã mở rộng các chủ thể của thành phần KITTN và cụ thể hóa các chủ sở hữu tư nhân, bao gồm: các hộ kinh doanh cá thể, các hộ tiểu chủ, các chủ tư nhân, các nhà tư bản, các tập đoàn tư bản... với các loại hình kinh doanh tương ứng như hộ sản xuất, kinh doanh cá thể (hộ nông dân, hộ tiểu - thủ công nghiệp, hộ kinh doanh dịch vụ...), chủ trang trại, hộ tiểu chủ, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân tư bản (tư bản trong nước và tư bản ngoài nước), tập đoàn tư bản. Có thể nói, việc cụ thể hóa các thành phần KTTN đã góp phần thúc đẩy hình thành, phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân trong thời gian tới.

Thực tế tiền phát triển kinh tế tư nhân tại Bình Dương thời gian qua cho thấy, bên cạnh những kết quả đạt được, chất lượng phát triển của các thành phần kinh tế tư nhân vẫn còn hạn chế ở nhiều mặt như năng suất và tốc độ tăng năng suất vẫn chưa cao, nhất là lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp; năng lực khoa học công nghệ của các doanh nghiệp còn lạc hậu, ít đổi mới sáng tạo trên các phương diện về sản phẩm - hàng hóa - dịch vụ, quản lý, marketing, công nghệ...

Các loại hình kinh tế tư nhân

Theo Luật DN (2020), các loại hình KTTN gồm: (i) Hộ kinh doanh cá thể: là hình thức của thành phần KTTN cá thể, tiểu chủ (tiểu thương), dựa trên sở hữu tư nhân nhỏ về vốn và quy mô sản xuất. Hộ kinh doanh cá thể chủ yếu sử dụng lao động trong gia đình, sử dụng lao động làm thuê không thường xuyên; (ii) Doanh nghiệp tư nhân: là DN do một cá nhân, nhân danh mình thành lập và làm chủ, chịu trách nhiệm vô hạn đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh liên quan đến hoạt động của DN; (iii) Công ty hợp danh: là DN, trong đó có ít nhất hai thành viên hợp danh, ngoài 2 thành viên hợp danh, có thể có thành viên góp vốn. Thành viên hợp danh chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của DN, còn thành viên góp vốn (nếu có) chỉ chịu

trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn đã góp vào DN; (iv) Công ty trách nhiệm hữu hạn: là DN, trong đó các thành viên góp vốn sẽ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của DN trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào DN; (v) Công ty cổ phần: là DN, trong đó vốn điều lệ được chia nhỏ thành nhiều phần bằng nhau, mỗi phần vốn bằng nhau gọi là cổ phần, người sở hữu cổ phần gọi là cổ đông. Cổ đông góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của DN trong phạm vi số vốn cổ phần đã góp vào DN; (vi) Hợp tác xã: là tổ chức kinh tế tập thể do các cá nhân, hộ gia đình, tổ chức (gọi chung là xã viên) có nhu cầu và lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra để phát huy sức mạnh tập thể của từng xã viên tham gia hợp tác xã, cùng nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh; (vii) Các loại hình KTTN khác, là các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trong theo luật chuyên ngành như ngân hàng thương mại cổ phần, văn phòng công chứng...

Vốn, tiếp cận vốn và vai trò của vốn trong phát triển kinh tế tư nhân

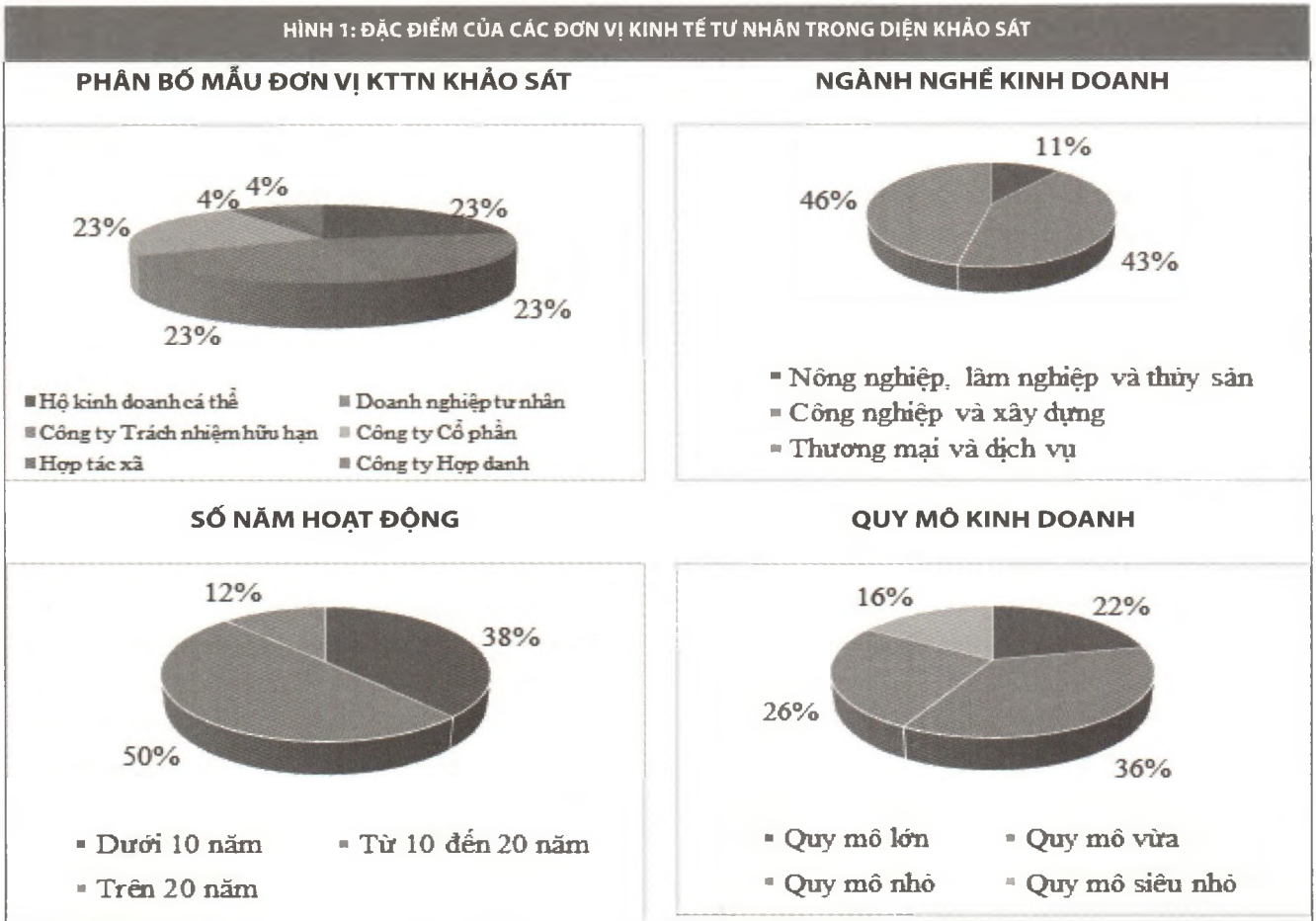
Vốn là điều kiện cần thiết và chính yếu không thể thiếu để một DN được cơ quan cấp phép kinh doanh xem xét cho thành lập và tiến hành các hoạt động kinh doanh. Trong quá trình hoạt động và mở rộng quy mô kinh doanh của các DN sẽ phát sinh nhu cầu huy động tăng vốn kinh doanh ngoài số vốn đầu tư ban đầu. Để đáp ứng nhu cầu tăng thêm vốn, mỗi loại hình DN, tùy theo điều kiện kinh doanh, tiềm lực của các nhà đầu tư, chiến lược phát triển của DN... mà mỗi DN sẽ có các phương thức huy động vốn, kênh huy động vốn khác nhau, cụ thể:

Thứ nhất, vốn và phân loại vốn.

Hiện nay, có nhiều cách khác nhau để định nghĩa về vốn và phân loại vốn trong các DN, trong nghiên cứu này, quan điểm của nhóm tác giả "Vốn chính là tổng nguồn vốn mà DN huy động được để tài trợ cho tài sản của DN trong quá trình hoạt động kinh doanh của DN", thể hiện ở chỉ tiêu tổng nguồn vốn trên bảng cân đối kế toán hay bảng tình hình tài chính của các DN. Do đó, tùy theo yêu cầu xem xét để tiếp cận các nguồn vốn, vốn được chia thành các loại khác nhau, cụ thể: (i) Nếu xem xét theo thời gian huy động và sử dụng vốn, có thể chia vốn hành hai loại là vốn thường xuyên và vốn tạm thời; (ii) Nếu xem xét theo phạm vi huy động vốn, có thể chia vốn thành hai loại là vốn huy động bên trong và vốn huy động bên ngoài; (iii) Nếu xem xét theo quan hệ sở hữu, có thể chia vốn thành hai loại là vốn chủ sở hữu và nợ phải trả.



HÌNH 1: ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG DIỆN KHẢO SÁT



Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả

Thứ hai, tiếp cận vốn.

Tiếp cận vốn được hiểu là tiếp cận các nguồn tài trợ vốn trong quá trình hoạt động của các DN. Tại Việt Nam hiện nay, theo nhóm tác giả, các DN có thể tiếp cận vốn thông qua các nguồn tài trợ sau: (i) Tài trợ từ vốn vay của các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính phi ngân hàng, đây là nguồn vốn tiếp cận quan trọng nhất đối với các DN hiện nay, các ngân hàng thương mại đóng vai trò là các trung gian tài chính, cung cấp các sản phẩm và các dịch vụ tài chính cho các DN từ các khoản vay ngắn hạn đến các khoản vay trung và dài hạn; (ii) Tài trợ từ các chương trình của Chính phủ, đây là các chương trình ưu đãi của Chính phủ trong việc hỗ trợ vay vốn với lãi suất thấp đến các đối tượng cần ưu tiên phát triển của Chính phủ thông qua các ngân hàng phi lợi nhuận như: Ngân hàng phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội...; (iii) Tài trợ từ thị trường tài chính, đây là nguồn tài trợ thông qua việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu để huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán của các DN; (iv) Tài trợ từ các quỹ đầu tư, đây là các nguồn tài trợ vốn từ các quỹ đầu tư mạo hiểm lớn tại Việt Nam như: VinaCapital, Mekong Capital, Dragon Capital Fund...; (v) Tài trợ từ thuê tài chính, đây là hình thức tài trợ thông qua

các công ty cho thuê tài chính và (vi) Tài trợ từ vốn chủ sở hữu và tín dụng không chính thức, đây là vốn huy động từ các thành viên, cổ đông góp vốn hoặc vay, mượn từ gia đình, bạn bè, các tổ chức phường hội, cầm đồ, tín dụng thương mại cá nhân...

Thứ ba, vai trò của vốn trong phát triển.

Với mọi thành phần KTTN hay doanh nghiệp, vốn là điều kiện tiên quyết, quan trọng nhất cho sự ra đời, tồn tại và phát triển, thậm chí có một số loại hình kinh doanh pháp luật còn quy định phải có đủ số vốn pháp định mới cho phép thành lập và hoạt động. Có thể nói, vốn đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh của các đơn vị được diễn ra liên tục từ khâu mua sắm vật tư, thiết bị sản xuất, thuê mướn lao động cho đến khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ, cũng như trang trải và chống đỡ cho những tổn thất, rủi ro, biến động thị trường, khủng hoảng tài chính... trong quá trình hoạt động của các đơn vị. Từ đó cho thấy, vốn có vai trò hết sức quan trọng đối với sự phát triển của khu vực KTTN nói chung và các DN nói riêng, vốn quyết định sự tồn tại và phát triển của DN, xác lập địa vị pháp lý của các DN, nâng cao năng lực cạnh tranh của DN, đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của DN...



Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá khả năng tiếp cận vốn cho phát triển KTTN tại tỉnh Bình Dương, nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính trong việc tổng hợp tài liệu, cơ sở lý luận và phỏng vấn các đối tượng khảo sát; còn phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng để thống kê mô tả các dữ liệu khảo sát, thu thập, cụ thể:

Đối tượng khảo sát: Các thành phần và loại hình KTTN tại Bình Dương, bao gồm 06 loại hình: (i) Hộ kinh doanh cá thể, (ii) DN tư nhân, (iii) Công ty trách nhiệm hữu hạn, (iv) Công ty cổ phần, (v) Hợp tác xã, và (vi) Công ty hợp danh.

Mục đích khảo sát: Đánh giá khả năng tiếp cận vốn cho phát triển KTTN tại tỉnh Bình Dương trên các phương diện về đặc điểm vốn hiện tại, nhu cầu về vốn, phương thức tiếp cận vốn và vay vốn của các đơn vị KTTN. Từ đó, phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn cho các đơn vị KTTN.

Mẫu phiếu khảo sát: Nhóm tác giả phân bố đều mẫu phiếu khảo sát cho các đơn vị KTTN tại Bình Dương. Tuy nhiên, do việc tiếp cận khảo sát đối với các đơn vị hợp tác xã, công ty hợp danh có phần khó khăn, nhóm nghiên cứu đã thực hiện chọn mẫu thuận tiện với cỡ mẫu phiếu khảo sát như sau: Hộ kinh doanh cá thể (50 phiếu), DN tư nhân (50 phiếu), Công ty trách nhiệm hữu hạn (50 phiếu), Công ty cổ phần (50 phiếu), Hợp tác xã (10 phiếu) và Công ty hợp danh (10 phiếu).

Phương pháp thực hiện khảo sát: Nhóm tác giả sử dụng phương pháp khảo sát là thực hiện phỏng vấn, khảo sát trực tiếp và khảo sát thông qua công cụ Google Form. Phiếu khảo sát được thiết kế gồm 2 phần, phần 1 đề cập đến thông tin chung của đối tượng tham gia khảo sát và phần 2 là các câu hỏi khảo sát. Các câu hỏi khảo sát được thiết kế xoay quanh các mục tiêu nghiên cứu, bao gồm: (i) đặc điểm vốn hiện tại; (ii) nhu cầu về vốn; (iii) phương

thức tiếp cận vốn và vay vốn; (iv) các rào cản trong tiếp cận và vay vốn. Nhóm tác giả thực hiện qua 3 giai đoạn: (i) Giai đoạn 1, dựa trên tổng quan nghiên cứu về các thành phần và loại hình KTTN, vốn và tiếp cận vốn của các đơn vị KTTN, nhóm tác giả tiến hành thiết kế phiếu khảo sát nháp ban đầu; (ii) Giai đoạn 2, sử dụng phiếu khảo sát nháp để phỏng vấn ý kiến chuyên gia (12 chuyên gia, bao gồm: 06 giảng viên đại học và 06 đơn vị KTTN tại tỉnh Bình Dương) nhằm tham vấn ý kiến chuyên gia về các câu hỏi trong phiếu khảo sát như vậy là đã đảm bảo đầy đủ các thông tin cần thu thập, thích hợp đánh giá với các đơn vị KTTN tại Bình Dương và văn phong có đủ rõ ràng, dễ hiểu; (iii) Giai đoạn 3, thiết kế phiếu khảo sát chính thức, dựa trên kết quả ở giai đoạn 2, nhóm tác giả tổng hợp và đưa ra phiếu khảo sát chính thức để gửi cho các đối tượng trong diện mẫu khảo sát.

Phương pháp xử lý dữ liệu thu thập: Trên cơ sở 220 phiếu khảo sát thu về hợp lệ, nhóm tác giả tiến hành thống kê và tính giá trị phần trăm (%) các thành phần khảo sát để đánh giá khả năng tiếp cận vốn cho phát triển ở khu vực KTTN tại tỉnh Bình Dương.

Thực trạng về vốn và tiếp cận vốn ở khu vực kinh tế tư nhân tại Bình Dương

Đối tượng khảo sát

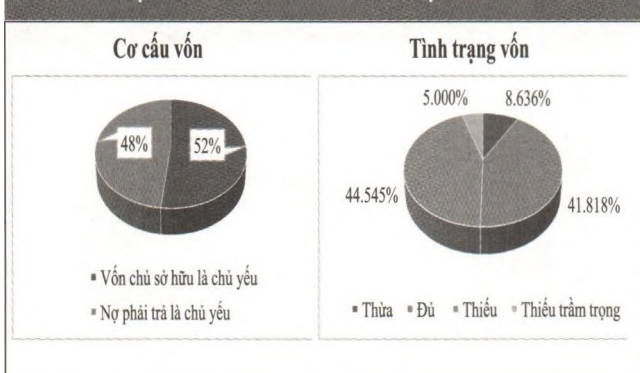
Với 220 đơn vị KTTN trong diện khảo sát, bao gồm: Hộ kinh doanh cá thể, 50 đơn vị; DN tư nhân, 50 đơn vị; Công ty trách nhiệm hữu hạn, 50 đơn vị; Công ty cổ phần, 50 đơn vị, Hợp tác xã, 10 đơn vị; và Công ty hợp danh, 10 đơn vị. Kết quả khảo sát cho thấy đặc điểm của các đơn vị KTTN trong diện khảo sát như sau:

Thứ nhất, lĩnh vực ngành nghề kinh doanh: Lĩnh vực thương mại và dịch vụ chiếm đa số với tỷ lệ lên đến 46%, tiếp đến là lĩnh vực công nghiệp và xây dựng với tỷ lệ 43% và thấp nhất là lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản với tỷ lệ 11%. Từ đó cho thấy, các lĩnh vực ngành nghề kinh doanh về thương mại, dịch vụ, công nghiệp và xây dựng đang chiếm ưu thế tại Bình Dương.

Thứ hai, số năm hoạt động: Phần lớn các đơn vị KTTN là có thâm niên hoạt động tương đối trẻ, chủ yếu dưới 20 năm, cụ thể: số đơn vị hoạt động dưới 10 năm là 38%, từ 10 năm đến 20 năm là 50%, còn trên 20 năm chỉ chiếm 12%. Điều này cho thấy, có sự trẻ và năng động của các đơn vị ở khu vực KTTN tại Bình Dương.

Thứ ba, quy mô kinh doanh: Phần lớn các đơn vị

HÌNH 2: ĐẶC ĐIỂM VỐN CỦA CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ TƯ NHÂN



Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả

KTTN là có quy mô vừa và quy mô nhỏ, tương ứng với tỷ lệ lần lượt là 36% và 26%; còn quy mô lớn cũng tương đối với 22%. Từ đó cho thấy, quy mô kinh doanh của các đơn vị ở khu vực KTTN tại Bình Dương là theo chiều hướng tốt, các đơn vị có tiềm lực và sức mạnh về tài chính trong quá trình hoạt động cũng như tiềm năng trong mở rộng quy mô kinh doanh trong tương lai.

Về vốn của các đơn vị KTTN

Thứ nhất, đặc điểm vốn hiện tại của các đơn vị KTTN:

Kết quả khảo sát cho thấy, về cơ cấu vốn, phần lớn các đơn vị trong diện khảo sát đang tài trợ tài sản cho quá trình hoạt động từ vốn đầu tư của chủ sở hữu, với tỷ lệ 52%; tuy nhiên, số đơn vị huy động nợ để đầu tư cho tài sản hoạt động cũng tương đối lớn, đến 48%. Đồng thời, đến thời điểm khảo sát có đến 44,55% đơn vị đang trong tình trạng thiếu vốn và có 5% đơn vị đang thiếu vốn ở mức trầm trọng. Điều này cho thấy nhu cầu về vốn của các đơn vị KTTN tại Bình Dương hiện nay là đang rất lớn.

Thứ hai, về mức độ, tần suất và kênh huy động vốn:

Kết quả khảo sát cho thấy, có 30% đơn vị trong diện khảo sát đầu tư tài sản từ 100% vốn chủ sở hữu, còn lại các đơn vị là phải đi vay; trong đó, 44% đơn vị có đi vay nhưng ít và 26% đơn vị là có đi vay nhiều. Đồng thời, trong số 124 đơn vị trả lời có đi vay thì có đến 47% đơn vị đi vay thường xuyên, còn lại là có vay nhưng thỉnh thoảng. Bên cạnh đó, trong số các đơn vị trả lời có đi vay thì cũng có đến 30 đơn vị phải đi vay mượn thông qua kênh tín dụng không chính thức như vay mượn từ người thân, cá nhân cho vay... Từ đó cho thấy, phần nhiều các đơn vị KTTN tại Bình Dương là có đi vay vốn trong quá trình hoạt động, nhiều các đơn vị đang rất thiếu vốn và tiếp cận lựa chọn kênh tín dụng khi vay vốn là cả kênh tín dụng chính thức và tín dụng không chính thức.

Về nhu cầu vốn và tiếp cận vốn của các đơn vị KTTN trong thời gian tới

Thứ nhất, về nhu cầu vốn của các đơn vị KTTN qua các giai đoạn.

Kết quả khảo sát cho thấy, so với giai đoạn trước đại dịch COVID-19, nhu cầu về vốn của các đơn vị KTTN bắt đầu có dấu hiệu tăng cao trong thời gian diễn ra đại dịch COVID-19 và tăng rất cao vào giai đoạn bình thường mới, số đơn vị có nhu cầu vốn cao và nhu cầu vốn rất cao tăng rất rõ qua giai đoạn sau đại dịch COVID-19. Điều này cho thấy, việc tạo điều kiện về vốn và tiếp cận vốn trong giai đoạn

hiện nay ở các đơn vị KTTN tại Bình Dương là rất cần thiết và cấp bách.

Thứ hai, về mức độ đáp ứng nhu cầu vốn và nhu cầu tiếp cận các nguồn vốn.

Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các đơn vị KTTN có số vốn hiện đáp ứng các nhu cầu trong thời gian tới dưới 75%, nhiều nhất là trong khoảng từ 25% đến 50%; và nhu cầu tiếp cận các nguồn vốn của các đơn vị KTTN tại Bình Dương trong bối cảnh hiện nay chủ yếu là vốn ngắn hạn và vốn trung hạn. Điều này chứng tỏ các đơn vị đang rất cần vốn cho các nhu cầu hoạt động thường xuyên và chuẩn bị các yếu tố đầu vào sản xuất trong ngắn và trung hạn.

Thứ ba, về kênh huy động vốn của các đơn vị KTTN dự kiến huy động trong thời gian tới.

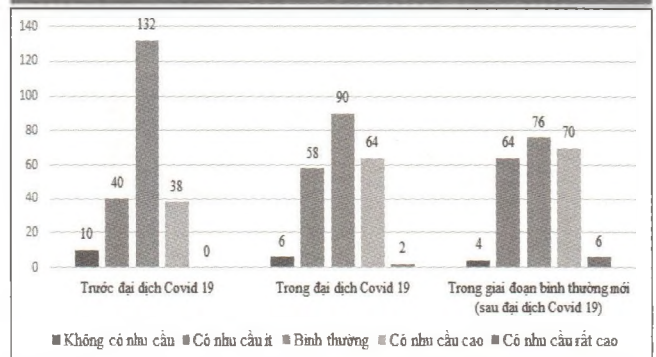
Kết quả khảo sát cho thấy, để đảm bảo vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới, các đơn vị KTTN tại Bình Dương đang dự kiến chú trọng huy động từ các nguồn như (i) Vay của các ngân hàng thương mại, các quỹ tín dụng nhân dân, (ii) Huy động từ các chủ sở hữu hiện tại và tiềm năng, (iii) Vay từ các nguồn vốn hỗ trợ, (iv) Vay mượn từ các kênh tín dụng phi chính thức như người thân, bạn bè, khách hàng, nhà cung cấp, các công ty tài chính... Từ đó cho thấy, các cấp chính quyền tỉnh Bình Dương cần có các chính sách hỗ trợ để các đơn vị KTTN tiếp cận các nguồn vốn hợp pháp và lâu dài cho quá trình hoạt động và phát triển của các đơn vị KTTN.

Giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn để phát triển kinh tế tư nhân tại tỉnh Bình Dương

Thời gian tới, để nâng cao khả năng tiếp cận vốn đối với khu vực KTTN tại tỉnh Bình Dương cần chú trọng các giải pháp sau:

Một là, đổi mới toàn diện quan điểm về quản lý nhà nước đối với phát triển KTTN ở Việt Nam nói chung và các cấp chính quyền tại tỉnh Bình Dương nói riêng.

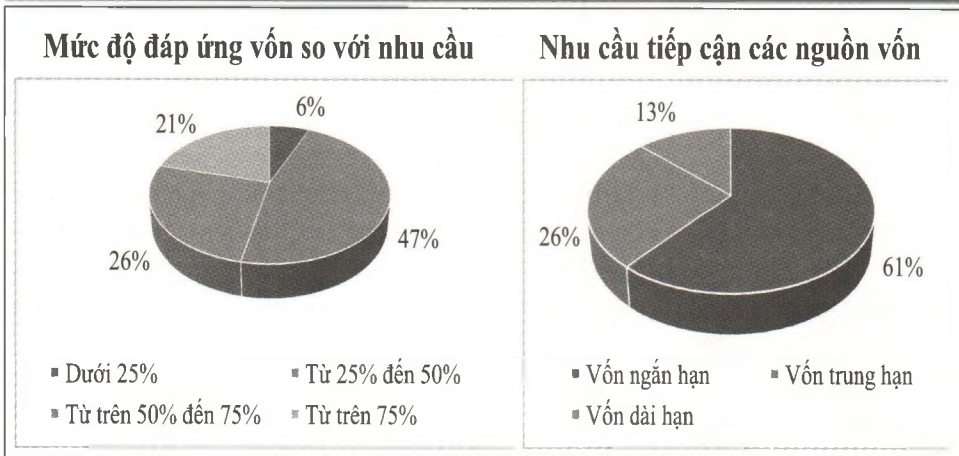
HÌNH 3: NHU CẦU VỐN CỦA CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ TƯ NHÂN QUA CÁC GIAI ĐOẠN



Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả



HÌNH 4: MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG VỐN SO VỚI NHU CẦU VÀ NHU CẦU TIẾP CẬN CÁC NGUỒN VỐN



Nguồn: Nghiên cứu của nhóm tác giả

Tại Nghị quyết số 10-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 5 khóa XII về phát triển KTTN đã nhấn mạnh đến phương châm phát triển nền kinh tế số của Chính phủ, chuyển đổi mô hình từ kiểm soát sang kiến tạo, từ can thiệp trực tiếp sang gián tiếp, từ tiền kiểm sang giám sát theo nguyên tắc quản lý và kiểm soát rủi ro, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong nền kinh tế nhiều thành phần và phù hợp với các nguyên tắc, thông lệ quốc tế, tuân thủ các hiệp định song phương, đa phương đã ký kết.

Theo đó, để phát triển khu vực KTTN đòi hỏi cần phải đổi mới toàn diện về quản lý nhà nước trong phát triển KTTN, cụ thể: (i) Việc ban hành các định hướng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đối với các địa phương nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng cần thực hiện đúng, đầy đủ, ổn định trong từng giai đoạn để nâng cao hiệu quả, vai trò của Nhà nước trong việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế; (ii) Cần tạo lập khung thể chế và các thiết chế đủ mạnh và bình đẳng để tạo hành lang pháp luật trong việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy phát triển KTTN, góp phần nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của các đơn vị KTTN, hướng đến phát triển mạnh các đơn vị KTTN có quy mô lớn để làm đầu tàu và thúc đẩy phát triển các đơn vị KTTN vệ tinh, hình thành các mô hình liên kết kinh doanh, liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất kinh doanh,...; (iii) Thực hiện phân bổ các nguồn lực của nền kinh tế bình đẳng, đảm bảo cho các đơn vị KTTN được tiếp cận các nguồn lực để phát triển, nhất là các nguồn lực về vốn ưu đãi, vốn hỗ trợ, vốn tài nguyên, vốn con người... (iv) Nâng cao chất lượng quản lý thị trường để tránh hàng nhái, hàng giả làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh doanh chính thống, nâng cao hiệu

quả hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng, nhất là cơ quan thuế, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa, điện tử hóa trong các thủ tục hành chính, kê khai thuế... để giảm chi phí phát sinh cho các đơn vị KTTN.

Hai là, kiện toàn các chính sách về huy động vốn từ các chủ sở hữu.

Hiện nay, ở khu vực KTTN, các chủ sở hữu có quyền tham gia góp vốn

vào tất cả các hình thức kinh doanh ở các đơn vị KTTN. Tuy nhiên, một số quy định về tăng giảm vốn điều lệ, chuyển đổi thành viên/cổ đông góp vốn, trích lập lợi nhuận để bổ sung vốn góp, hoàn trả vốn góp cho các thành viên/cổ đông góp vốn... còn nhiều bất cập, thủ tục còn nhiều, chưa theo kịp sự phát triển của các loại hình KTTN, làm hạn chế sự gia tăng vốn đối với kênh huy động vốn này, nhất là việc huy động vốn chủ sở hữu đến từ các nhà đầu tư nước ngoài hoặc các quỹ đầu tư nước ngoài.

Ba là, hoàn thiện các chính sách tín dụng về tiếp cận vốn vay.

Hầu hết các đơn vị KTTN tại Việt Nam nói chung và tại Bình Dương nói riêng khi có nhu cầu về vốn đều tìm đến kênh huy động vốn vay thông qua các trung gian tài chính của thị trường tiền tệ là các ngân hàng thương mại, các quỹ tín dụng nhân dân. Tuy nhiên, đối với các ngân hàng, các quỹ tín dụng, để cấp vốn cho các đơn vị KTTN đòi hỏi các đơn vị KTTN phải có tài sản thế chấp; do đó, tài sản thế chấp là tiêu chí quan trọng để các đơn vị KTTN tiếp cận vay vốn. Trong khi đó, các quy định và khuôn khổ pháp lý về tài sản thế chấp chưa chặt chẽ, nhất là đối với các hình thức vay tín chấp với tài sản thế chấp là nguyên vật liệu, hàng hóa, đất và tài sản gắn liền với đất... Do đó, việc thẩm định hồ sơ vay vốn, cấp hạn mức cho vay vốn, kiểm soát giải ngân vốn vay phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm của nhân viên tín dụng và các quy định, quy trình của các ngân hàng cho vay vốn.

Để các tổ chức tín dụng thuận lợi trong cấp vốn tín dụng cho các đơn vị KTTN thì Chính phủ nói chung và tỉnh Bình Dương nói riêng cần hoàn thiện các chính sách về quyền sở hữu, quyền quản lý và sử dụng tài sản của đơn vị KTTN khi đi vay đối với



tài sản hình thành từ vốn vay; cũng như kiểm soát tốt lãi suất huy động và cho vay, nâng cao tính minh bạch, dễ dàng trong các thủ tục về vay vốn, thanh lý tài sản thế chấp khi người đi vay vi phạm hợp đồng vay vốn nhằm giảm thiểu rủi ro cho cả phía đơn vị cho vay và đơn vị đi vay.

Bốn là, kiện toàn và phát triển thị trường tài chính để đa dạng hóa các kênh tiếp cận vốn cho các đơn vị KTTN.

Bên cạnh việc vay vốn trên thị trường tiền tệ, các đơn vị KTTN hiện nay có thể huy động vốn trên thị trường tài chính thông qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu hoặc vận dụng các công cụ tài chính phái sinh trong việc chuyển đổi trái phiếu (huy động từ chủ nợ) sang cổ phiếu (huy động từ chủ sở hữu). Tuy nhiên, một số cơ chế chính sách quản lý còn chưa chặt chẽ, vẫn còn một số nhà đầu tư lớn thao túng thị trường hoặc thông đồng lũng đoạn thị trường, làm kênh huy động vốn này đối với các đơn vị KTTN tiềm ẩn nhiều rủi ro, đòi hỏi Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Chính phủ phải giám sát và kiện toàn.

Kết quả khảo sát cho thấy, phần nhiều các đơn vị kinh tế tư nhân tại Bình Dương là có đi vay vốn trong quá trình hoạt động, nhiều đơn vị đang rất thiếu vốn và lựa chọn kênh tín dụng khi vay vốn là cả kênh tín dụng chính thức và tín dụng không chính thức.

Năm là, đa dạng các nguồn vốn và kỳ hạn các nguồn vốn.

Bên cạnh nguồn vốn vay thương mại, Chính phủ cần có các gói hỗ trợ vay vốn đang dạng cho các đơn vị KTTN theo bối cảnh thị trường kinh doanh và ngành nghề kinh doanh, chú trọng đảm bảo các nguồn vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn ổn định, đủ đáp ứng các nhu cầu vay vốn của các đơn vị KTTN trong từng giai đoạn theo xu hướng phát triển và biến động của thị trường. Đồng thời, hệ thống vay và cho vay trên thị trường liên ngân hàng cần phối hợp tốt, kết nối tốt để nhanh chóng lưu thông vốn thừa/thiếu giữa các ngân hàng thương mại nhằm qua đó thúc đẩy hoạt động cho vay vốn giữa các trung gian tài chính với các đơn vị vay vốn được nhanh chóng và kịp thời.

Sáu là, quản lý tốt các kênh tín dụng phi chính thức.

Kênh tín dụng phi chính thức là không thể thiếu đối với quá trình hình thành và phát triển của các đơn vị KTTN. Tuy nhiên, bên cạnh một số hoạt động tín dụng phi chính thức khá phổ biến và hiệu quả như vốn vay mượn người thân, gia đình, công nhân

viên, khách hàng, nhà cung cấp... Hiện nay đã phát sinh các hoạt động cá nhân cho vay vốn, công ty cho vay vốn với quy mô và hình thức hoạt động nhỏ lẻ, khó kiểm soát, nhưng lại là kênh cho vay khá phổ biến do thủ tục cho vay đơn giản và thuận tiện; thậm chí các hình thức cho vay này còn "núp bóng" dưới các hình thức công ty tài chính, đơn vị hỗ trợ vay vốn; theo đó cho vay "biến tướng" và tiềm ẩn nhiều rủi ro như lãi suất vay cao, cưỡng chế thu nợ trái luật... Vì vậy, Chính phủ và tỉnh Bình Dương cần có các chính sách, văn bản hướng dẫn các thủ tục vay và cho vay mượn, quản lý chặt chẽ kênh huy động vốn này để hoạt động theo đúng khuôn khổ pháp luật.

Kết luận

Từ kết quả khảo sát thực trạng về vốn, nhu cầu vốn và tiếp cận vốn ở khu vực KTTN tại tỉnh Bình Dương cho thấy các đơn vị KTTN đang có nhu cầu về vốn lớn, phải đi vay vốn trong quá trình hoạt động và tài trợ cho tài sản, nhiều đơn vị phải tiếp cận lựa chọn khi vay vốn cả kênh tín dụng chính thức và tín dụng không chính thức. Từ đó, nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận vốn để phát triển ở khu vực KTTN tại tỉnh Bình Dương thông qua các hoạt động về đổi mới toàn diện quan điểm về quản lý nhà nước đối với phát triển, kiện toàn các chính sách về huy động vốn từ các chủ sở hữu, hoàn thiện các chính sách tín dụng về tiếp cận vốn vay, kiện toàn và phát triển thị trường tài chính, đa dạng các nguồn vốn và kỳ hạn các nguồn vốn và quản lý các kênh tín dụng phi chính thức với mong muốn góp phần thúc đẩy phát triển ở khu vực KTTN tại tỉnh Bình Dương theo hướng bền vững.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1986), Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd, t.47. <https://tuyengiao.vn/ban-can-biet/thang-12-1986-dai-hoi-dai-bieu-toan-quooc-lan-thu-vi-cua-dang-131755>;
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017), Nghị quyết số 10-NQ/TW về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;
3. Quốc hội (2020), Luật số 59/2020/QH14 về Luật Doanh nghiệp;
4. Nguyễn Ngọc Tiến (2020), Giáo trình Kế toán công ty, NXB Đại học Kinh tế quốc dân;
5. Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương (2018), Kế hoạch số 2470/KH-UBND về triển khai tuyên truyền, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho hộ kinh doanh cá thể chuyển đổi thành doanh nghiệp giai đoạn 2018-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Thông tin tác giả:

TS. Nguyễn Hồng Thu, PGS., TS. Nguyễn Ngọc Tiến
Trường Đại học Thủ Dầu Một
Email: thunh@tdmu.edu.vn